

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẠN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	14 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497 ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi ba lần do bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi cổ đông sáng lập, trong đó lần thứ ba ngày 24 tháng 9 năm 2012 do thay đổi cổ đông sáng lập.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**100.000.000.000 VND**

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	59.000.000.000	59%
Các cổ đông khác	41.000.000.000	41%
Cộng	100.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 37 422 181; 08 38 991 314

Fax : 08 37 422 041; 08 38 994 031

E-mail : tancangkhoan@saigonnewport.com.vn

Mã số thuế : 0309532497

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Điều lệ Công ty, như sau:

	Số tiền (VND)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	5.100.429.795
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	2.550.214.898
Trích lập Quỹ khen thưởng	2.550.214.898
Trích lập Quỹ phúc lợi	5.100.429.795
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	200.000.000
Cộng	15.501.289.386

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Bùi Quang Huy	Chủ tịch	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên	20 tháng 8 năm 2010

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	21 tháng 01 năm 2010
Ông Phạm Mạnh Nhân	Thành viên	21 tháng 01 năm 2010

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Bùi Quang Huy	Giám đốc	10 tháng 12 năm 2009	
Ông Lê Hữu Trường	Phó Giám đốc	08 tháng 12 năm 2009	
Ông Trần Minh Lăng	Phó Giám đốc	01 tháng 3 năm 2011	
Ông Đới Thanh Hải	Phó Giám đốc	18 tháng 3 năm 2013	04 tháng 9 năm 2014
Ông Trần Quang Thảo	Phó Giám đốc	04 tháng 9 năm 2014	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Bùi Quang Huy

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

15-0
NHÀ
HỌ T
CHỖ
V VÀ
& 4
HÀ
A - 5



Số: 168/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.150.229.788	145.632.214.351
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.695.553.376	102.127.090.657
1. Tiền	111		3.695.553.376	3.127.090.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	99.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	13.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.681.493.983	40.919.048.558
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	59.014.081.560	39.657.128.592
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	43.559.805.540	991.355.424
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	236.762.887	360.973.745
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(129.156.004)	(90.409.203)
IV. Hàng tồn kho	140		2.035.540.815	1.254.796.413
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.035.540.815	1.254.796.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.737.641.614	1.331.278.723
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.882.886.764	867.467.008
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.002.702.599	211.402.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	651.261.417	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	200.790.834	252.408.736

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.203.214.396	136.693.666.718
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		178.852.413.431	126.279.144.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	133.220.768.837	125.657.586.047
<i>Nguyên giá</i>	222		232.921.139.488	200.891.211.971
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(99.700.370.651)	(75.233.625.924)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.079.833	21.558.831
<i>Nguyên giá</i>	228		92.395.000	92.395.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(89.315.167)	(70.836.169)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	45.628.564.761	600.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.080.000.000	7.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	20.080.000.000	7.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.270.800.965	2.814.521.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	2.446.951.368	446.835.906
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	1.823.849.597	2.367.685.934
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		387.353.444.184	282.325.881.069

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		164.278.737.459	102.404.827.605
I. Nợ ngắn hạn	310		104.999.346.497	84.049.137.409
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	18.510.474.048	13.760.715.880
2. Phải trả người bán	312	V.18	36.130.485.829	18.081.247.430
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	4.633.000	11,359.999
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	3.233.487.262	8.290.501.466
5. Phải trả người lao động	315		18.653.687.234	21.389.933.985
6. Chi phí phải trả	316	V.21	8.290.225.440	9.470.743.736
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	15.377.564.381	6.143.324.844
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	4.798.789.303	6.901.310.069
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		59.279.390.962	18.355.690.196
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	59.279.390.962	18.355.690.196
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		223.074.706.725	179.921.053.464
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	223.074.706.725	179.921.053.464
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.700.328.465	16.599.898.670
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.850.164.232	8.299.949.334
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.524.214.028	55.021.205.460
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		387.353.444.184	282.325.881.069

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		163,07	-
Euro (EUR)		4,48	9.575,88
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	434.985.896.335	452.950.537.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.674.738.373	2.854.614.389
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		433.311.157.962	450.095.923.368
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	335.124.941.887	359.653.265.017
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.186.216.075	90.442.658.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.224.882.263	7.221.216.678
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.909.303.091	2.463.366.798
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.599.538.073	2.076.040.174
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.959.031.134	3.452.636.530
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25.423.133.908	22.203.102.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.119.630.205	69.544.769.451
11. Thu nhập khác	31	VI.7	14.624.501.769	1.651.426.877
12. Chi phí khác	32	VI.8	20.297.201.364	216.242.321
13. Lợi nhuận khác	40		(5.672.699.595)	1.435.184.556
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.446.930.610	70.979.954.007
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		13.898.796.319	17.473.936.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	543.836.337	(54.673.483)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>51.004.297.954</u>	<u>53.560.691.285</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>-</u>	<u>-</u>

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.446.930.610	70.979.954.007
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.727.624.842	26.143.075.405
- Các khoản dự phòng	03	38.746.801	25.831.201
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	212.970.922	277.043.630
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.169.859.324)	(7.179.805.558)
- Chi phí lãi vay	06	1.599.538.073	2.076.040.174
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	87.855.951.924	92.322.138.859
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(31.329.879.690)	2.040.210.210
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(780.744.402)	(1.129.123.542)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	29.301.020.928	(27.306.681.893)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.015.535.218)	3.920.728.839
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.599.538.073)	(2.076.040.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.550.268.209)	(18.430.826.402)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9.289.548.236	354.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(19.247.713.695)	(8.730.042.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.922.841.801	40.964.362.934
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(120.763.305.132)	(1.915.957.647)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.545.893.509	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.480.000.000)	(2.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.328.553.769	7.253.388.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(136.368.857.854)	2.837.431.244

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		59.689.775.126	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.117.715.880)	(13.643.716.240)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.557.582.240)	(11.700.685.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.014.477.006	(25.344.401.930)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(43.431.539.047)	18.457.392.248
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	102.127.090.657	83.654.242.939
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		1.766	15.455.470
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	58.695.553.376	102.127.090.657

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh; Dịch vụ đại lý tàu biển./.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 373 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 379 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa lớn tài sản phát sinh trong năm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	15%

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.090 VND/USD
28.976 VND/EUR
31/12/2014 : 21.246 VND/USD
25.857 VND/EUR

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	42.343.455	153.924.975
Tiền gửi ngân hàng	3.653.209.921	2.973.165.682
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	55.000.000.000	99.000.000.000
Cộng	<u>58.695.553.376</u>	<u>102.127.090.657</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	13.000.000.000	

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu công nợ là các bên liên quan	42.450.918.138	27.212.999.941
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	39.290.559.853	24.488.340.765
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>		18.370.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>	122.508.100	538.843.701
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>	154.291.433	304.621.968
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	1.894.384.300	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>	72.952.200	1.575.377.600
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>	445.873.133	287.445.907
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực</i>	424.269.119	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng</i>	46.080.000	
Phải thu khách hàng ngoài	16.563.163.422	12.444.128.651
Cộng	<u>59.014.081.560</u>	<u>39.657.128.592</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về đầu tư xây dựng cơ bản	29.966.604.881	952.855.424
Về mua sắm máy móc thiết bị	7.002.200.659	
Tiền thuê bãi để chứa container	4.050.000.000	
Trả trước về dịch vụ khác	2.541.000.000	38.500.000
Cộng	<u>43.559.805.540</u>	<u>991.355.424</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT	31.217.241	48.307.078
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	153.972.222	312.666.667
Phải thu tiền phạt nhiên liệu	51.573.424	
Cộng	236.762.887	360.973.745

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		(90.409.203)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(129.156.004)	
Cộng	(129.156.004)	(90.409.203)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(90.409.203)	(64.578.002)
Trích lập dự phòng bổ sung	(38.746.801)	(25.831.201)
Số cuối năm	(129.156.004)	(90.409.203)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.035.540.815	1.254.796.413

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.395.513.259	683.011.663
Chi phí xây bờ bao, lắp đặt hệ thống máy bơm, thanh chống bảo vệ cửa kho		184.455.345
Chi phí sửa chữa xe	487.373.505	
Cộng	1.882.886.764	867.467.008

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất nhập khẩu nộp trước	490.782.600	
Các khoản phải thu Nhà nước khác	160.478.817	
Cộng	651.261.417	

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	165.790.834	222.408.736
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	30.000.000
Cộng	200.790.834	252.408.736

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	72.770.413.422	88.019.259.376	28.806.314.265	3.092.814.147	8.202.410.761	200.891.211.971
Mua sắm mới		14.485.276.377	18.499.555.102	958.010.848	3.176.942.976	37.119.785.303
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	698.436.840					698.436.840
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(5.401.360.503)				(386.934.123)	(5.788.294.626)
Số cuối năm	68.067.489.759	102.504.535.753	47.305.869.367	4.050.824.995	10.992.419.614	232.921.139.488
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.456.957.627	3.017.140.500	3.251.631.107	636.743.306	453.290.960	20.815.763.500
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	23.019.404.882	37.988.359.837	10.410.661.436	1.523.717.021	2.291.482.748	75.233.625.924
Khấu hao trong năm	8.744.148.265	13.023.234.246	2.864.607.949	844.388.697	1.232.766.687	26.709.145.844
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(1.938.949.936)				(303.451.181)	(2.242.401.117)
Số cuối năm	29.824.603.211	51.011.594.083	13.275.269.385	2.368.105.718	3.220.798.254	99.700.370.651
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	49.751.008.540	50.030.899.539	18.395.652.829	1.569.097.126	5.910.928.013	125.657.586.047
Số cuối năm	38.242.886.548	51.492.941.670	34.030.599.982	1.682.719.277	7.771.621.360	133.220.768.837

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 132.169.698.061 VND và 87.899.315.196 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	92.395.000	70.836.169	21.558.831
Tăng trong năm		18.478.998	
Giảm trong năm			18.478.998
Số cuối năm	92.395.000	89.315.167	3.079.833

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	600.000.000	38.051.427.303	37.119.785.303	1.531.642.000
XDCB dở dang		44.795.359.601	698.436.840	44.096.922.761
<i>Công trình xây dựng Kho CFS tại Cát Lái</i>		<i>33.911.243.541</i>		<i>33.911.243.541</i>
<i>Công trình xây dựng Nhà Văn phòng tại Cát Lái</i>		<i>10.185.679.220</i>		<i>10.185.679.220</i>
<i>Nhà chờ khách hàng và công nhân tại Line X bãi Cát Lái</i>		<i>440.288.650</i>	<i>440.288.650</i>	
<i>Nhà vệ sinh phục vụ khách hàng và công nhân tại Line X bãi Cát Lái</i>		<i>258.148.190</i>	<i>258.148.190</i>	
Cộng	600.000.000	82.846.786.904	37.818.222.143	45.628.564.761

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	1.900.000	19.000.000.000	760.000	7.600.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	108.000	1.080.000.000		
Cộng		20.080.000.000		7.600.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 19.000.000.000 VND tương đương 47,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn đầu tư cam kết.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	446.835.906	549.638.181	508.793.027	487.681.060
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi		1.759.408.304	198.189.800	1.561.218.504
Chi phí trả trước sửa chữa lớn máy móc thiết bị, phương tiện vận tải		415.358.404	17.306.600	398.051.804
Cộng	446.835.906	2.724.404.889	724.289.427	2.446.951.368

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.367.685.934	2.313.012.451
Số phát sinh	1.823.849.597	2.367.685.934
Số hoàn nhập	(2.367.685.934)	(2.313.012.451)
Số cuối năm	1.823.849.597	2.367.685.934

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	18.510.474.048	13.760.715.880
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú</i>	<i>9.303.902.376</i>	<i>4.621.744.000</i>
<i>Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	<i>9.206.571.672</i>	<i>9.138.971.880</i>
Cộng	18.510.474.048	13.760.715.880

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.760.715.880	13.643.716.240
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay dài hạn	18.510.474.048	13.760.715.880
Số tiền vay đã trả	(13.760.715.880)	(13.643.716.240)
Số cuối năm	18.510.474.048	13.760.715.880

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Về dịch vụ xếp dỡ, trung chuyển container	30.253.574.146	10.064.941.977
Về mua nguyên vật liệu	681.281.110	1.175.752.690
Về đầu tư xây dựng cơ bản	754.666.381	3.744.454.493
Về mua sắm máy móc thiết bị	1.689.220.000	600.000.000
Về dịch vụ sửa chữa máy móc, phương tiện	2.531.040.610	1.636.754.215

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về dịch vụ khác	220.703.582	859.344.055
Cộng	<u>36.130.485.829</u>	<u>18.081.247.430</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ & Thương mại Hoàng Long		675.000
Công ty TNHH Vận tải biển Minh Nguyễn		10.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Naaco		379.999
Công ty TNHH T.H.I Group Vietnam		280.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Tương lai		25.000
Công ty TNHH Xuất khẩu UNI	4.633.000	
Cộng	<u>4.633.000</u>	<u>11.359.999</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		15.963.232.680	15.963.232.680	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.686.090.610	1.686.090.610	
Thuế xuất, nhập khẩu			490.782.600	(490.782.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.172.406.905	13.898.796.319	19.550.268.209	2.520.935.015
Thuế thu nhập cá nhân	118.094.561	3.506.909.415	2.912.451.729	712.552.247
Các loại thuế khác		198.420.924	358.899.741	(160.478.817)
Cộng	<u>8.290.501.466</u>	<u>35.253.449.948</u>	<u>40.961.725.569</u>	<u>2.582.225.845</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.233.487.262	8.290.501.466
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(651.261.417)	
Cộng	<u>2.582.225.845</u>	<u>8.290.501.466</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.446.930.610	70.979.954.007
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế	(2.270.583.707)	(1.084.209.187)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9,024.161.795	10,121.296.086
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>718.480.885</i>	<i>647.533.257</i>
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	<i>8.290.225.440</i>	<i>9.470.743.736</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	<i>15.455.470</i>	<i>3.019.093</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.294.745.502)	(11.205.505.273)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>(1.766)</i>	<i>(15.455.470)</i>
<i>Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ</i>	<i>(9.470.743.736)</i>	<i>(9.252.049.803)</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(1.824.000.000)</i>	<i>(1.938.000.000)</i>
Thu nhập tính thuế	63.176.346.903	69.895.744.820
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>13.898.796.319</u>	<u>17.473.936.205</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vệ sinh, sửa chữa container	90.182.600	37.680.500
Chi phí hoa hồng	247.300.000	241.730.000
Chi phí bốc xếp	4.889.344.840	9.112.472.327
Chi phí mua quà tặng khách hàng	2.997.950.000	
Các khoản chi phí khác	65.448.000	78.860.909
Cộng	<u>8.290.225.440</u>	<u>9.470.743.736</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	703.983.752	458.190.388
Bảo hiểm xã hội	1.198.546.544	1.042.142.590
Bảo hiểm y tế	64.623.848	74.652.827
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	412.506.100	3.970.088.340
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.000.000	250.000.000
Phải trả tiền hỗ trợ kinh phí đi dời	12.313.351.385	
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	55.200.000	
Tiền thưởng nhiên liệu	26.638.693	
Phải trả, phải nộp khác	352.714.059	348.250.699
Cộng	<u>15.377.564.381</u>	<u>6.143.324.844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.959.249.334	2.550.214.898	203.000.000	4.477.600.000	1.234.864.232
Quỹ phúc lợi	3.742.060.735	5.100.429.795		5.478.565.459	3.363.925.071
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	200.000.000	200.000.000		200.000.000	200.000.000
Cộng	6.901.310.069	7.850.644.693	203.000.000	10.156.165.459	4.798.789.303

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>59.279.390.962</i>	<i>18.355.690.196</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	54.676.105.126	4.647.232.376
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	4.603.285.836	13.708.457.820
Cộng	59.279.390.962	18.355.690.196

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 303.10.APU/TDH.216/223344.01 ngày 12 tháng 11 năm 2010 trong thời hạn 05 năm với lãi suất tham chiếu để tài trợ dự án đầu tư xây dựng 01 kho CFS tại Cảng Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trên đất và hợp đồng thuê đất.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 419.14.151.223344.TD ngày 14 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 01 xe nâng container Kalmar Reachstacher model DRT450. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 498.14.151.223344.TD ngày 23 tháng 7 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 10 xe kéo hiệu Terberg model YT220 MKII chạy trong cảng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 562.14.151.223344.TD ngày 19 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án Nhà văn phòng Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 593.14.151.223344.TD ngày 30 tháng 9 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án "Đầu tư xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Natixis theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 6 năm 2010 trong thời hạn 5 năm với lãi suất theo mỗi kỳ tính lãi liên quan đến khoản vay để tài trợ 80% giá mua 02 Cầu Bánh Lốp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(cấu RTG) theo Hợp đồng số 01/KM/UNI/TCW/2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	18.510.474.048	13.760.715.880
Trên 1 năm đến 5 năm	40.542.005.836	18.355.690.196
Trên 5 năm	18.737.385.126	
Tổng nợ	77.789.865.010	32.116.406.076

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.355.690.196	31.823.906.976
Số tiền vay phát sinh	59.689.775.126	
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm	101.399.688	292.499.100
Số tiền vay đã trả	(357.000.000)	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(18.510.474.048)	(13.760.715.880)
Số cuối năm	59.279.390.962	18.355.690.196

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	11.243.829.541	5.621.914.770	140.594.465.872
Lợi nhuận trong năm trước			53.560.691.285	53.560.691.285
Trích lập các quỹ trong năm trước	5.356.069.129	2.678.034.564	(16.268.207.386)	(8.234.103.693)
Chia cổ tức năm 2012			(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	16.599.898.670	8.299.949.334	179.921.053.464
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	16.599.898.670	8.299.949.334	179.921.053.464
Lợi nhuận trong năm nay			55.021.205.460	55.021.205.460
Trích lập các quỹ trong năm nay	5.100.429.795	2.550.214.898	(15.501.289.386)	(7.850.644.693)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	21.700.328.465	10.850.164.232	223.074.706.725

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	3.557.582.240	11.700.685.690

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	434.985.896.335	452.950.537.757
<i>Doanh thu bán bán nhiên liệu</i>	846.755.215	1.443.303.758
<i>Dịch vụ bốc xếp container</i>	73.670.624.408	77.320.543.125
<i>Dịch vụ bốc xếp bãi</i>	175.280.423.562	206.122.281.098
<i>Dịch vụ bốc xếp kho</i>	146.948.949.003	130.061.436.984
<i>Dịch vụ lưu bãi</i>	19.741.069.759	21.503.877.305
<i>Dịch vụ thuê kho</i>	14.976.363.421	11.743.898.177
<i>Dịch vụ sửa chữa container</i>	1.645.031.000	3.665.958.267
<i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	455.668.181	
<i>Dịch vụ cho thuê xe nâng, xe đầu kéo</i>	611.744.212	
<i>Dịch vụ khác</i>	809.267.574	1.089.239.043
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.674.738.373)	(2.854.614.389)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.674.738.373)	(2.854.614.389)
Doanh thu thuần	<u>433.311.157.962</u>	<u>450.095.923.368</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán nhiên liệu</i>	846.755.215	1.443.303.758
<i>Dịch vụ bốc xếp container</i>	73.556.985.771	76.692.697.125
<i>Dịch vụ bốc xếp bãi</i>	174.286.084.447	205.745.652.919
<i>Dịch vụ bốc xếp kho</i>	146.678.793.863	130.034.627.164
<i>Dịch vụ lưu bãi</i>	19.732.532.941	20.103.355.069
<i>Dịch vụ thuê kho</i>	14.976.009.784	11.741.158.176
<i>Dịch vụ sửa chữa container</i>	1.645.031.000	3.300.435.569
<i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	455.668.181	
<i>Dịch vụ cho thuê xe nâng, xe đầu kéo</i>	348.499.570	
<i>Dịch vụ khác</i>	784.797.190	1.034.693.588

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán nhiên liệu	709.814.469	1.277.041.090
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	334.415.127.418	358.376.223.927
Cộng	<u>335.124.941.887</u>	<u>359.653.265.017</u>

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	14.018.236.103	19.836.501.370
Chi nhân công trực tiếp	81.147.228.131	86.675.446.004
Chi phí sản xuất chung	239.249.663.184	251.864.276.553
Tổng chi phí sản xuất	334.415.127.418	358.376.223.927
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>334.415.127.418</u>	<u>358.376.223.927</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.025.439	41.411.120
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.285.192.657	5.241.805.558
Lãi tiền cho vay	60.666.667	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.824.000.000	1.938.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.997.500	
Cộng	<u>6.224.882.263</u>	<u>7.221.216.678</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.599.538.073	2.076.040.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.794.096	110.282.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	212.970.922	277.043.630
Cộng	<u>1.909.303.091</u>	<u>2.463.366.798</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng và hội nghị khách hàng	5.959.031.134	3.452.636.530

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.448.024.769	9.785.510.534
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.958.166	165.382.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	478.496.319	567.549.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.874.878	261.697.135
Thuế, phí và lệ phí	24.719.636	12.451.364
Chi phí dự phòng	38.746.801	25.831.201

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.842.425.491	6.220.561.743
Chi phí bằng tiền khác	5.989.887.848	5.164.118.930
Cộng	25.423.133.908	22.203.102.250
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.545.893.509	
Thu tiền hỗ trợ đi đời	4.858.755.106	
Tiền thu từ hàng hóa tồn thất	6.033.363.636	
Hoàn nhập quỹ lương		1.483.941.558
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	159.378.576	137.399.168
Thu tiền bán hồ sơ thầu	13.000.000	
Thu tiền bảo hiểm		25.583.566
Xử lý công nợ	12.000.000	
Nhiên liệu thừa sau kiểm kê	102.243	4.498.640
Thu nhập khác	2.008.699	3.945
Cộng	14.624.501.769	1.651.426.877
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	3.545.893.509	
Chi phí đi đời	4.858.755.106	
Chi phí bồi thường tồn thất	11.357.627.836	84.334.335
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	132.794.401	120.307.461
Phí giám định	155.250.000	11.600.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	246.047.124	
Chi phí khác	833.388	525
Cộng	20.297.201.364	216.242.321
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.823.849.597)	(2.367.685.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.367.685.934	2.313.012.451
Cộng	543.836.337	(54.673.483)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.677.083.629	32.010.512.774
Chi phí nhân công	93.595.252.900	96.460.956.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.727.624.842	26.143.075.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.917.517.478	219.044.569.252
Chi phí khác	13.879.813.611	10.372.848.738
Cộng	365.797.292.460	384.031.962.707

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.963.338.551	1.883.987.903
Tiền thưởng	965.450.397	889.174.339
Cộng	2.928.788.948	2.773.162.242

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty liên kết của Công ty mẹ	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	
Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	150.631.477.376	149.249.234.781
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	20.293.676.277	20.956.623.607
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	18.550.000.000	26.500.000.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ tư vấn	3.559.101.011	4.424.287.284
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	3.999.324.618	4.017.654.983
Công ty mẹ cung cấp điện, nước	3.793.309.843	3.298.673.111
Chi trả cổ tức cho Công ty mẹ	3.540.000.000	9.440.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Công ty cung cấp dịch vụ	1.974.898.456	658.179.181
Công ty con cung cấp dịch vụ	32.197.274.979	27.930.255.784
Góp vốn vào công ty con	11.400.000.000	2.500.000.000
Tiền lãi cho công ty con vay	60.666.667	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực		
Công ty cung cấp dịch vụ	385.699.199	
Góp vốn vào công ty con	1.080.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần		
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần cung cấp dịch vụ	3.036.742.045	2.312.170.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công Trình Tân Cảng		
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng cung cấp dịch vụ	29.861.766.150	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Công ty cung cấp dịch vụ	2.081.115.489	1.626.109.273
Công ty cho thuê văn phòng		130.909.091
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng cung cấp dịch vụ	10.944.327.429	7.360.298.943
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Công ty cung cấp nhiên liệu	526.265.052	1.035.072.056
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp dịch vụ	17.868.573.461	21.919.359.867
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cát Mép		
Công ty cung cấp dịch vụ	45.062.500	
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng cung cấp dịch vụ		217.114.500
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng cung cấp dịch vụ	2.006.431.069	1.379.262.855
Công ty cung cấp dịch vụ	3.358.996.546	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Tân cảng Hiệp Lực	200.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>		
Công ty cung cấp dịch vụ	1.605.398.000	1.985.388.728
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng cung cấp dịch vụ	486.889.700	
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung</i>		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung cung cấp dịch vụ		177.361.000
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>		
Công ty cung cấp dịch vụ	24.463.636	75.572.729
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình cung cấp dịch vụ	5.880.786.500	6.482.832.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước</i>		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước cung cấp dịch vụ	452.410.000	613.690.000
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i>		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng cung cấp dịch vụ	7.414.622.715	2.060.717.736
<i>Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC</i>		
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC cung cấp dịch vụ	33.000.000	44.300.803
<i>Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép</i>		
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép cung cấp dịch vụ		147.125.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cung cấp dịch vụ	262.701.875	264.823.125
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng cung cấp dịch vụ	79.650.625	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng</i>		
Công ty cung cấp dịch vụ	167.563.636	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	39.290.559.853	24.488.340.765
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	445.873.133	287.445.907
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	424.269.119	
<i>Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân cảng</i>		
Ứng trước tiền thi công kho	23.636.057.235	
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	122.508.100	538.843.701
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Tân Cảng</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	154.291.433	304.621.968
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	72.952.200	1.575.377.600
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	1.894.384.300	
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp		18.370.000
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng</i>		
Ứng trước tiền mua sắm tài sản	655.339.464	
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng</i>		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	46.080.000	
Cộng nợ phải thu	66.742.314.837	27.212.999.941
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	17.336.079.564	4.128.538.072
<i>Công Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	6.482.747.187	2.804.766.717
<i>Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	252.175.000	349.503.000
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	1.119.730.241	
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	2.801.508.630	1.938.191.905
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ		20.640.400
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	164.742.050	16.338.388
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	177.289.750	
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	478.632.000	740.770.250
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	45.353.000	27.874.000
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	52.000.000	604.006.200
<i>Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép</i>		
Phải trả tiền dịch vụ		161.837.500
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	24.294.188	30.608.188
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	87.615.688	
Cộng nợ phải trả	29.022.167.298	10.823.074.620

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bốc xếp
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bốc xếp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	394.521.864.081	38.789.293.881	433.311.157.962
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	394.521.864.081	38.789.293.881	433.311.157.962
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.396.749.382	8.789.466.693	98.186.216.075
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(31.382.165.042)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			66.804.051.033
Doanh thu hoạt động tài chính			6.224.882.263
Chi phí tài chính			(1.909.303.091)
Thu nhập khác			14.624.501.769
Chi phí khác			(20.297.201.364)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(13.898.796.319)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(543.836.337)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			51.004.297.954
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	69.454.383.966	16.116.807.827	85.571.191.793
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.949.950.652	2.501.963.617	27.451.914.269

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực bậc xếp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	412.472.977.208	37.622.946.160	450.095.923.368
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	412.472.977.208	37.622.946.160	450.095.923.368
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	82.882.671.493	7.559.986.858	90.442.658.351
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(25.655.738.780)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			64.786.919.571
Doanh thu hoạt động tài chính			7.221.216.678
Chi phí tài chính			(2.463.366.798)
Thu nhập khác			1.651.426.877
Chi phí khác			(216.242.321)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(17.473.936.205)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			54.673.483
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			53.560.691.285
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	8.190.846.725	747.112.665	8.937.959.390
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.393.354.034	2.498.633.222	29.891.987.256
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<u>Lĩnh vực bậc xếp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	197.632.162.705	87.994.819.954	285.626.982.659
Tài sản phân bổ cho bộ phận	8.661.734.769	851.619.659	9.513.354.428
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			92.213.107.097
Tổng tài sản			387.353.444.184
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	99.438.841.106	22.776.368.173	122.215.209.279
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.944.030.862	289.456.400	3.233.487.262
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			38.830.040.918
Tổng nợ phải trả			164.278.737.459
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	96.894.348.722	62.641.973.097	159.536.321.819

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực bốc xếp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9.276.286.889	846.119.046	10.122.405.935
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			112.667.153.315
Tổng tài sản			282.325.881.069
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.024.844.004	12.081.483.281	54.106.327.285
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	5.107.554.030	465.875.926	5.573.429.956
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			42.725.070.364
Tổng nợ phải trả			102.404.827.605

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên khu vực Cảng của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ) và các Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.695.553.376				58.695.553.376

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000				13.000.000.000
Phải thu khách hàng	58.884.925.556			129.156.004	59.014.081.560
Các khoản phải thu khác	240.545.646				240.545.646
Cộng	130.821.024.578			129.156.004	130.950.180.582
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.127.090.657				102.127.090.657
Phải thu khách hàng	39.527.972.588			129.156.004	39.657.128.592
Các khoản phải thu khác	342.666.667				342.666.667
Cộng	141.997.729.912			129.156.004	142.126.885.916

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	18.510.474.048	40.542.005.836	18.737.385.126	77.789.865.010
Phải trả người bán	36.130.485.829			36.130.485.829
Các khoản phải trả khác	21.645.435.677			21.645.435.677
Cộng	76.286.395.554	40.542.005.836	18.737.385.126	135.565.786.516
Số đầu năm				
Vay và nợ	13.760.715.880	18.355.690.196		32.116.406.076
Phải trả người bán	18.081.247.430			18.081.247.430
Các khoản phải trả khác	14.039.082.775			14.039.082.775
Cộng	45.881.046.085	18.355.690.196		64.236.736.281



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	163,07	4,48		9.575,88
Vay và nợ	(649.998,00)		1.083.330,00	
Phải trả người bán	(77.000,00)			
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(726.834,93)	4,48	(1.083.330,00)	9.575,88

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.000.000.000		99.000.000.000	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000			
Vay và nợ	(63.980.007.502)	(649.998)	(9.268.976.376)	(1.083.330)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	4.019.992.498	(649.998)	89.731.023.624	(1.083.330)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.695.553.376		102.127.090.657		58.695.553.376	102.127.090.657
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000				13.000.000.000	
Phải thu khách hàng	59.014.081.560	(129.156.004)	39.657.128.592	90.409.203	58.884.925.556	39.566.719.389
Các khoản phải thu khác	240.545.646		342.666.667		240.545.646	342.666.667
Cộng	130.950.180.582	(129.156.004)	142.126.885.916	90.409.203	130.821.024.578	142.036.476.713

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	77.789.865.010	32.116.406.076	77.789.865.010
Phải trả người bán	36.130.485.829	18.081.247.430	36.130.485.829	18.081.247.430
Các khoản phải trả khác	21.645.435.677	14.039.082.775	21.645.435.677	14.039.082.775
Cộng	135.565.786.516	64.236.736.281	135.565.786.516	64.236.736.281

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy

